

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

V/v tranh chấp không công nhận  
quan hệ vợ chồng, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Ngọc Cận.

Bà Ông Thanh Bạch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Kim Hằng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa:** Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y; sinh năm: 1991; Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Ngọc T; sinh năm: 1985; Địa chỉ: đường L, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/3/2021 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Ngọc T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay bà Nguyễn Thị Y nhận thấy bà và ông Lê Ngọc T sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông Lê Ngọc T là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/10/2012. Hiện cháu K đang sống cùng Bà Nguyễn Thị Y. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Ngọc T, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Lê Ngọc T không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Lê Ngọc T 02 lần nhưng ông vẫn không tham gia.

#### *Ý kiến của kiểm sát viên:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y; Không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Ngọc T là vợ chồng; Về con chung giao cháu Nguyễn Đăng K (Giới tính nam), sinh ngày 15/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về T sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Thị Y yêu cầu không công nhận bà Nguyễn Thị Y với ông Lê Ngọc T; Địa chỉ: đường L, xóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là vợ chồng và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết

là tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

## **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị Y trình bày thì bà và ông Lê Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Lê Ngọc T là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Ngọc T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Ngọc T là vợ chồng.

Về con chung: Theo bà Nguyễn Thị Y trình bày, trong thời gian chung sống, ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 15/10/2012. Hiện cháu K đang sống cùng bà Nguyễn Thị Y. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân vào đầu năm 2013 cho đến nay, cháu K do bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Đăng K (Bút lục số 28-29) thì cháu K có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Y giao cháu Nguyễn Đăng K cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại hồ sơ và tại Tòa bà Nguyễn Thị Y trình bày hiện nay bà có việc làm và thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/tháng nên bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy mức thu nhập hiện nay của bà Nguyễn Thị Y đảm bảo cuộc sống của hai mẹ con và bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Lê Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K mà không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y tự khai không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, (giới tính: nam) sinh ngày 15/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị Y không yêu cầu ông Lê Ngọc T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Lê Ngọc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đăng K mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về T sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007612 ngày 22/3/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Lê Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**